

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2025/DS-ST

Ngày: 12-11-2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi nợ hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Lê Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/6/2025, ngày 27/6/2025 và ngày 12/11/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang (cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2025; Quyết định ngừng phiên tòa số: 06/2025/QĐST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2025; Quyết định ngừng phiên tòa số: 07/2025/QĐST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 25/2025/TB-TA, ngày 23 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Kim Q - sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay ấp P, xã G, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị D - sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp P, xã G, tỉnh An Giang).

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Trần Ngọc B - sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp P, xã G, tỉnh An Giang).

- 3.2. Ông Phạm Văn H - sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt).
 3.3. Ông Phạm Văn X - sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).
 3.4. Bà Trần Thị Kim B1 - sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).
 3.5. Bà Mã Thị Y - sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt).
 Cùng địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Kim Q trình bày: Tôi và bà D là chỗ quen biết nên vào ngày 12/4/2022 âm lịch tôi có cho bà D vay số tiền 100.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất là 7%/tháng, bà D có viết biên nhận nợ giao cho tôi giữ, mục đích vay của bà D là trả tiền tiền Ngân hàng, chỉ hứa trong 01 tháng sẽ trả lại tiền gốc. Từ khi vay đến nay bà D có đóng lãi cho tôi được 01 số tiền nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền tiền.

Sau đó, bà D có làm chủ hội nên tôi có chơi hội của bà D, khi áp hội đến khi mãn hội thì bà D không có tiền giao cho tôi nên vào ngày 31/12/2022 âm giữa tôi và bà D có chốt tiền hội với nhau thì bà D còn thiếu tiền hội tôi là 198.270.000 đồng.

Đối với tiền vay 100.000.000 đồng trên, khi đến hạn trả nợ thì bà D không có trả tiền cho tôi. Thấy vậy, giữa tôi và bà D thỏa thuận là trừ vào tiền hội mà tôi chơi hội trên của bà D nên trừ được số tiền 48.000.000 đồng, do đó hiện nay bà D còn nợ tôi số tiền vay là 52.000.000 đồng.

Nay, tôi yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà D trả cho tôi 02 khoản tiền gồm: Tiền vay là 52.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 12/4/2022 âm và tiền hội 198.270.000 đồng. Đồng thời, tôi xin rút yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay, còn tiền hội thì không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Đặng Thị D thì từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên Báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam để thông báo tìm kiếm bà D vắng mặt nơi cư trú. Đến hết thời hạn thì tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà D đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà D đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng:

Bà Trần Ngọc B trình bày: Tôi với bà Q và bà D không có bà con họ hàng mà tôi có chơi hội chung với bà Q do bà D làm chủ hội là dây hội 2.000.000 đồng áp vào ngày 30/10/2020 và tôi chơi 03 chân còn bà Q chơi 05 chân, hội 01 tháng xổ 01 lần. Sau khi áp hội đến mãn hội thì tôi đã hốt hết 3 chân nên bà D giao tiền đầy đủ cho tôi còn bà Q đã hốt 02 chân còn lại 03 chân chưa hốt thì bà D đã bẻ hội rồi nên bà D có giao tiền cho bà Q 02 chân đã hốt chưa thì tôi không biết. Khi bà D bẻ hội còn lại 03 chân chưa hốt của bà Q thì bà D không giao tiền cho bà Q mà bỏ địa phương đi. Ngoài dây hội này bà D còn áp các dây hội khác nữa và tôi biết bà Q có chơi các dây hội khác của bà D nữa nhưng cụ thể như thế nào tôi không biết còn về

tiền bạc của những dây này thì tôi cũng không biết.

Hơn nữa, tôi biết bà D còn thiếu tiền hội nhiều người nhưng tôi không biết cụ thể là ai. Hiện nay bà D đã bỏ địa phương đi lâu rồi còn hiện nay bà D ở đâu tôi không biết. Do đó, tôi khẳng định bà D còn thiếu tiền bà Q nhưng tôi không biết là bao nhiêu tiền. Đồng thời, tôi xin vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Bà Mã Thị Y trình bày: Tôi với bà Q và bà D không có bà con họ hàng mà tôi có chơi hội chung với bà Q do bà D làm chủ hội là dây hội 2.000.000 đồng có 30 hội viên, áp vào ngày 30/10/2020 và tôi chơi 01 chân còn bà Q chơi 05 chân. Sau khi áp hội đến mãn hội thì tôi chưa hốt hội nên bà D còn thiếu tiền hội tôi còn bà Q đã hốt chưa thì tôi không biết. Về việc bà D còn nợ hội bà Q không thì tôi biết chỉ biết chơi hội chung do bà D làm chủ thôi.

Bà Trần Thị Kim B1 trình bày: Tôi với bà Q và bà D không có bà con họ hàng mà tôi có chơi hội chung với bà Q do bà D làm chủ hội. Bà D làm chủ nhiều dây hội nên tôi có chơi dây hội 1.000.000 đồng có 40 hội viên, áp vào ngày 20/4/2020 ăl và tôi chơi 03 chân còn bà Q có chơi mấy chân thì tôi không biết mà tôi chỉ biết là bà Q có chơi hội thôi. Sau khi áp hội đến mãn hội thì tôi hốt 01 chân còn 02 chân chưa hốt nên bà D còn thiếu tiền hội tôi còn bà Q đã hốt chưa thì tôi không biết. Về việc bà D còn nợ tiền hội bà Q không thì tôi biết chỉ biết chơi hội chung do bà D làm chủ thôi.

Ông Phạm Văn X trình bày: Tôi với bà D có bà con họ hàng xa còn bà Q không có bà con họ hàng mà tôi có chơi hội chung với bà Q do bà D làm chủ hội. Bà D làm chủ nhiều dây hội nên tôi có chơi 04 dây, mỗi dây là 2.000.000 đồng. Trong đó dây hội áp vào ngày 30/10/2020 ăl thì bà Q chơi 05 chân. Sau khi áp hội đến mãn hội thì tôi và bà D có chót nợ hội với nhau nên bà D còn thiếu tiền tôi. Về việc bà D còn nợ tiền hội bà Q không thì tôi biết chỉ biết chơi hội chung do bà D làm chủ thôi.

Ông Phạm Văn H trình bày: Tôi với bà Q và bà D không có bà con họ hàng mà tôi có chơi hội chung với bà Q do bà D làm chủ hội. Bà D làm chủ nhiều dây hội nên tôi có chơi 02 dây mỗi dây là 1.000.000 đồng và bà Q có chơi chung hai dây hội này, còn bà Q chơi mấy chân thì tôi không biết. Về việc bà D còn nợ tiền hội bà Q không thì tôi biết, chỉ biết chơi hội chung do bà D làm chủ thôi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy

định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Dương Kim Q đối với bị đơn bà Đặng Thị D. Do đó, buộc bà Đặng Thị D phải trả cho bà Dương Kim Q số tiền là 250.270.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng, trong đó: Tiền vay là 52.000.000 đồng và tiền hui là 198.270.000 đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi suất thì tại phiên tòa bà Dương Kim Q xin rút yêu cầu này nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử về tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Kim Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị D phải trả số tiền vay và tiền hui còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi nợ hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đặng Thị D là bị đơn và ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn X, bà Mã Thị Y, bà Trần Thị Kim B1 và bà Trần Ngọc B là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, bà D được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do còn ông H, ông X, bà Y, bà B1 và bà B có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tiền giữa bà Dương Kim Q và bà Đặng Thị D là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, bà Dương Kim Q có cho bà Đặng Thị D vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng vào ngày 12/4/2022 âm và hai bên có làm biên nhận nợ với nhau, bà D viết biên nhận và ký tên giao cho bà Q giữ. Sau đó, bà D có làm chủ hui nên bà Q có tham chơi hui của bà D. Tuy nhiên, trong quá trình vay tiền thì bà D không có tiền trả cho bà Q nên giữa bà Q và bà D thống nhất thỏa thuận là bà Q không đóng hui cho bà D mà trừ vào tiền vay trên là 100.000.000 đồng. Do vậy, bà Q đã đóng hui từ việc trừ tiền vay 100.000.000 đồng được số tiền 48.000.000 đồng nên bà D còn thiếu lại số tiền vay là 52.000.000 đồng. Đối với tiền hui thì bà Q hót hui chót nên bà D không có tiền giao cho bà Q thì bà Q và bà D có chót hui vào ngày 31/12/2022, bà D còn thiếu bà Q số tiền là 198.270.000 đồng. Khi chót nợ hui và tiền vay thì bà Q đã liên hệ với bà D để yêu cầu bà D trả số tiền nhiều lần nhưng bà D cứ hứa mà không thực hiện và để kéo dài đến nay.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Q, HĐXX thấy rằng: Bà Dương Kim Q và bà Đặng Thị D là chỗ quen biết nên bà Q có cho bà D vay số tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 12/4/2022 âm, có làm biên nhận và hẹn trong 01 tháng trả vốn. Đồng thời, bà D có làm chủ hui nên bà Q có tham gia chơi hui do bà D làm chủ. Sau khi bà D vay tiền của bà Q và bà D áp hui thì bà D không có tiền trả cho bà Q nên giữa bà Q và bà D thống nhất thỏa thuận là bà Q không đóng hui cho bà

D mà trừ vào số tiền vay trên là 100.000.000 đồng. Do đó, bà Q đã đóng hui trừ vào tiền vay 100.000.000 đồng được số tiền 48.000.000 đồng nên bà D còn thiếu lại bà Q số tiền vay là 52.000.000 đồng. Đồng thời, bà Q đã liên hệ với bà D để đòi lại số tiền nêu trên nhiều lần, nhưng bà D cứ hứa mà không thực hiện còn cố tình né tránh. Từ đó, bà Dương Kim Q khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị D phải trả cho bà số tiền vay là 52.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì, bà Q xác định biên nhận nợ mà bà cung cấp cho Tòa án do bà D viết và bà D ký giao cho bà.

Đối với tiền hui, trong quá trình áp hui và chơi hui đến khi mãn hui thì bà Dương Kim Q là người hót hui chót nhưng bà Đặng Thị D không có tiền giao cho bà Q nên vào ngày 31/12/2022 bà D và bà Q có chót tiền hui với nhau là bà D còn thiếu bà Q số tiền là 198.270.000 đồng. Từ khi chót hui là ngày 31/12/2022 đến nay bà D không trả được nợ hui cho bà Q là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, buộc bà D phải chịu trách nhiệm trả số tiền nợ hui còn thiếu cho bà Q là 198.270.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, Tòa án tổng đạt, niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đúng theo quy định nhưng bà D không có văn bản nêu ý kiến phản hồi của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Q. Từ đó, cho thấy bà D đã biết được nội dung khởi kiện của bà Q nên yêu cầu của bà Q là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với bà Đặng Thị D là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi bà Đặng Thị D thực hiện giao dịch với bà Dương Kim Q thì bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà cư trú, hiện nay bà D vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng bà D không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà. Từ đó, cho thấy bà Đặng Thị D đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Q. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà Đặng Thị D theo qui định của pháp luật.

[5] Xét về lời trình bày của người làm chứng ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn X, bà Mã Thị Y, bà Trần Thị Kim B1 và bà Trần Ngọc B thì HĐXX thấy rằng: Ông H, ông X, bà Y, bà B1 và bà B đều xác định có chơi hui chung với bà Q do bà D làm chủ. Sau khi áp hui được một thời gian thì bà D tuyên bố bế hui nên bà D đều có chót tiền hui với những người này, trong đó có cả bà Q. Từ đó, cho thấy bà D còn nợ tiền hui của bà Q là đúng sự thật. Do đó, lời trình bày của ông H, ông X, bà Y, bà B1 và bà B là có căn chấp nhận.

Vì vậy, HĐXX căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Do đó, HĐXX căn cứ vào “Biên nhận” ngày 12/4/2022 al và “biên nhận chót hui”, ngày 31/12/2022, buộc bà Đặng Thị D phải trả số tiền là 250.270.000

đồng (hai trăm năm mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng, trong đó: Tiền vay là 52.000.000 đồng và tiền hụi là 198.270.000 đồng).

[6] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Dương Kim Q xin rút yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX đình chỉ về yêu cầu này của bà Q.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Kim Q đối với bị đơn bà Đặng Thị D. Do đó, buộc bà Đặng Thị D phải trả số tiền cho bà Dương Kim Q số tiền là 250.270.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của Dương Kim Q đối với bà Đặng Thị D về yêu cầu tính lãi suất do tại phiên tòa Q xin rút yêu cầu này.

[9] Về án phí DSST: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Dương Kim Q được chấp nhận nên bà Đặng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 250.270.000 đồng x 5% = 12.513.500đ làm tròn là 12.514.000 đồng (mười hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng).

Bà Dương Kim Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007966 ngày 13/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng bà Dương Kim Q tự nguyện nộp và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Kim Q đối với bị đơn bà Đặng Thị D.

Buộc bà Đặng Thị D phải trả cho bà Dương Kim Q số tiền là 250.270.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng, trong đó: Tiền vay là 52.000.000 đồng và tiền hụi là 198.270.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của Dương Kim Q đối với bà Đặng Thị D về yêu cầu tính lãi suất do tại phiên tòa Q xin rút yêu cầu này.

2. Về án phí DSST: Là 12.514.000 đồng (mười hai triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng) buộc bà Đặng Thị D phải nộp.

Bà Dương Kim Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007966 ngày 13/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng bà Dương Kim Q tự nguyện nộp và đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 12/11/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh